

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của dự án: Xây dựng
trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đa Mai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 107/TTr-STC ngày 18/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của dự án: Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đa Mai theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban QLDA ĐTXD Bắc Giang thực hiện bàn giao tài sản là kết quả của Dự án Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đa Mai cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Đa Mai. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Đa Mai thực hiện hạch toán tăng tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản trên phần mềm quản lý tài sản công và quản lý, sử dụng tài sản theo quy định hiện hành.

2. Sau khi dự án Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đa Mai được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Ban QLDA ĐTXD Bắc Giang có trách nhiệm thông báo, gửi toàn bộ hồ sơ của dự án cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Đa Mai, làm căn cứ điều chỉnh giá trị tài sản trên sổ sách kế toán theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành.

3. UBND phường Đa Mai rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công của phường đảm bảo đáp ứng được công tác quản lý, vận hành công trình.

4. Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ, hướng dẫn các đơn vị nêu trên triển khai đảm bảo các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND phường Đa Mai, Ban QLDA Dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 1, Ban QLDA ĐTXD Bắc Giang, Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Đa Mai và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hài.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

DANH MỤC TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Tên dự án: Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đa Mai, thành phố Bắc Giang

II. Danh mục tài sản xử lý:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Hình thức xử lý
A	Máy móc, thiết bị						
1	Hệ thống bơm bao gồm động cơ Motor khuấy trộn, bơm chìm nước thải, quạt lý tâm, bơm bùn, bơm định lượng... thiết bị phục vụ bơm.	Hệ thống	1	1.460.489.490	1.460.489.490	1.460.489.490	Giao cho TT cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Đa Mai quản lý, khai thác tài sản
2	Hệ thống Tủ điện điều khiển (bao gồm trọn bộ thiết bị)	Hệ thống	1	565.337.689	565.337.689	565.337.689	
3	Hệ thống lọc RO	Hệ thống	1	959.135.218	959.135.218	959.135.218	
4	Hệ thống máng cáp điện, hộp che bảng điều khiển inox dây dẫn điện lắp đặt bơm CXV 4x1,5mm2; 4x2,5mm2; 3x4+1x2,5mm2; 3x6+1x4mm2; VCTFK 2 x 1,0mm2; CXV 4x2,5mm2	Hệ thống	1	492.648.790	492.648.790	492.648.790	
5	Hệ thống đường ống, phụ kiện Inox 304; đai siết f49 inox 304, đầu bịt co nhựa, cút nhựa, bích nhựa, van nhựa...	Hệ thống	1	516.545.446	516.545.446	516.545.446	
6	Thiết bị PCCC	bộ	1	4.609.021	4.609.021	4.609.021	
7	Bồn chứa hóa chất	bồn	1	65.349.541	65.349.541	65.349.541	
B	Tài sản khác						
1	Sàn bê tông SN1 dặt cụm bể thép	sàn	1	89.779.672	89.779.672	89.779.672	
2	Cụm bể bê tông chính	bể	1	2.255.913.030	2.255.913.030	2.255.913.030	
3	Cụm bể đuôi amoni	bể	1	341.703.847	341.703.847	341.703.847	
4	Sàn, dầm, cột bê T04 (sàn SN2)	sàn	1	44.888.825	44.888.825	44.888.825	
5	Bể pha vôi	bể	1	69.005.294	69.005.294	69.005.294	
6	Bể chứa trung gian - TG18	bể	1	71.574.850	71.574.850	71.574.850	
7	Nhà điều hành, nhà kho	Nhà	1	564.295.016	564.295.016	564.295.016	
8	Hệ thống đường dây cáp điện từ trạm biến áp	Hệ thống	1	603.944.712	603.944.712	603.944.712	
9	Điện chiếu sáng trong nhà, chiếu sáng ngoài nhà, tiếp địa chống sét	bộ	1	369.309.883	369.309.883	369.309.883	
11	Đường nội bộ	đường	1	95.684.415	95.684.415	95.684.415	
12	Bồn thép	bồn	1	2.129.743.837	2.129.743.837	2.129.743.837	
Tổng cộng:				10.699.959.000	10.699.959.000	10.699.959.000	